TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2024/DS-ST
Ngày 18- 6 - 2024
V/v trông chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền
Ông Trịnh Anh Minh

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Ngô Thị Thắm - là Thư ký viên Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-DS ngày 15/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý T M; Sinh năm: 1982;
Nơi cư trú: Đường H, khóm A, phường B, Tp. CM, tỉnh CM.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô V Đ; sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Khóm A, phường B, Tp. CM, tỉnh CM. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê N M; Sinh năm: 1967

Nơi cư trú: Đường H, khóm A, phường B, thành phố CM, tỉnh CM (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Văn C N

Nơi cư trú: Đường H, khóm A, phường B, thành phố C M, tỉnh C M (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông Ngô V Đ trình bày: Ngày 16/6/2019 âm, lịch (ngày 18/7/2019 dương lịch) bà Lê N M có vay ông Lý T M số tiền 500.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay bà M không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Tại đơn khởi kiện ông Lý T M yêu cầu bà Lê N M trả số tiền gốc 500.000.000đ và lãi từ ngày 18/7/2019 đến ngày 02/01/2024 là 04 năm, 05 tháng 14 ngày, lãi suất 20% ngày bằng số tiền 444.931.507đ. Tổng gốc và lãi là 944.931.507đ và lãi phát sinh đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn có thay đổi lãi yêu cầu tính lãi từ ngày 18/7/2019 đến ngày xét xử là 59 tháng x 1,66% = 489.700.000đ tổng cộng vốn và lãi là 989.700.000đ.

Đại diện nguyên đơn xác định đối với khoản tiền này là nợ cá nhân bà M không liên quan đến ông Văn C N chồng bà M nên chỉ yêu cầu cá nhân bà M phải thanh toán. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn còn cho rằng cá nhân ông Văn C N chồng bà M hiện còn nợ nguyên đơn số tiền 3.253.000.000đ nhưng nguyên đơn chưa khởi kiện.

Bị đơn bà Lê N M trình bày: Vào năm 2019 do chồng bà là ông Văn C N có kinh doanh cùng với ông Lý T M, sau đó ông N đã mượn nợ rất nhiều người, mất khả năng chi trả, chủ nợ đòi lấy nhà, đất nên buộc phải bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chủ nợ. Lúc đó bà M có vay tiền của ôg Minh để chuộc lại quyền sử dụng đất và có thỏa thuận tìm nguồn tiền để thanh toán cho ông M và đã chuyển tiền ông N để thanh toán cho ông M nhưng ông N sử dụng vào việc khác không thanh toán cho ông M. Hiện bà M cho rằng đây là nợ của ông N nhưng bà ký xác nhận nợ vay với ông M nên ông N phải cùng có trách nhiệm với bà trả cho ông M. Bà bà M xin được xin được gia hạn thời gian thanh toán và xin không trả lãi.

Đối với ông Văn C N: Mặc dù ông N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo cho bà đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; được triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông N vẫn không có mặt tại Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lý T M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Văn C N và bà Lê N M vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay và lãi suất theo quy định, do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay ngày 16/6/2019 âm lịch (ngày 18/7/2019 dương lịch) bà Lê N M có vay ông Lý T M số tiền 500.000.000đ giữa các đương sự là có diễn ra trong thực tế. Bởi lẽ, quá trình hòa giải bà Lê N M vẫn thừa nhận, bà có vay tiền của ông M và thừa nhận giấy nhận nợ do chính bà M đã viết và ký tên. Tuy nhiên hiện bà M cho rằng đây là khoản tiền nợ xuất phát từ ông Văn C N là chồng bà và ông Lý T M có giao dịch làm ăn với nhau, ông N vay mượn nợ nhiều nơi không còn khả năng chi trả, bà phải vay tiền từ ông Lý T M để trả nợ thay nên yêu cầu ông N phải cùng có trách nhiệm thanh toán nợ với bà. Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đã qui định "**...** Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 … Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 …" nên bà M có quyền

yêu cầu ông N phải cùng có trách nhiệm trả nợ với bà là đúng qui định. Tuy nhiên, tại vụ án này đến thời điểm Tòa án xét xử bà M chưa cung cấp được chứng cứ, chứng minh được giao dịch của bà và ông M xuất phát từ nợ của ông N và quá trình bà M vay tiền ông M có sự thống nhất của ông N. Ngoài ra, bà M phải chứng minh được quá trình ông M đã giao dịch với bà M có thỏa thuận trách nhiệm ông N. Vì vậy hiện nay ông M khởi kiện bà M phải kiện cả ông N để yêu cầu trách nhiệm trả nợ từ bà M và ông N. Trong khi đó tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn xác định đúng là giữa nguyên đơn và ông Văn C N năm 2019 có hợp tác làm ăn với nhau nhưng cho rằng số tiền bà M đang nợ hoàn toàn không liên quan đến các khoản giao dịch làm ăn giữa ông N và ông M và xác định hiện chưa yêu cầu khởi kiện nên Tòa án chưa có căn cứ buộc trách nhiệm ông N. Nếu sau này bà M và ông N có tranh chấp có quyền kiện thành vụ án khác.

Ngoài ra Tòa án còn xem xét tại biên nhận ngày 16/6/2019âl giữa ông M và bà M còn thể hiện đây là nguồn tiền vay của ông M và bà Nguyễn T T vợ ông giao cho bà M để bà thanh toán nợ cho bà Bùi T L D nên tại biên nhận bà M còn ghi bổ sung "Năm trăm triệu này nằm trong một tỷ hai của Liễu Duy. Nếu Liễu Duy lấy nhà tôi không trả (2 tháng không đóng lời thì sẽ trả). Còn trước đó là không. Quá trình Tòa án làm việc với bà Nguyễn T T xác định nguồn tiền này là tiền chung vợ chồng nhưng ông M là người trực tiếp giao dịch nên cá nhân ông M khởi kiện bà hiện vẫn thống nhất và Tòa án xử tuyên buộc bà M thanh toán nợ cá nhân bà M bà T vẫn thống không tranh chấp. Đối với Bùi L D xác định nguồn tiền này là do bà M thỏa thuận vay của ông M trả tiền cho bà nên bà không liên quan vụ án vì vậy khước từ tham gia tố tụng. Do đó quá trình giải quyết Tòa án không đưa bà M và bà T tham gia tố tụng.

Từ những cơ sở trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vốn vay là 500.000.000đ.

[4] Về lãi suất: Các đương sự đều thừa nhận quá trình giao dịch vay có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, bị đơn chưa thanh toán lãi. Tuy nhiên hiện nguyên đơn thống nhất điều chỉnh lại lãi là 1,66%/tháng và yêu cầu bị đơn phải thanh toán lãi từ khi giao dịch là ngày 18/7/2019 đến ngày xét xử là 59 tháng x 1,66% = 489.700.000đ là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về thời gian và phương thức thanh toán, nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận được nên việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lê N M phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lý T M số tiền là 989.700.000 đồng. Trong đó vốn là 500.000.000đ, lãi là 489.700.000đ.

Kể từ ngày ông Lý T M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê N M không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Lê N M phải nộp là 41.691.000 đồng (chưa nộp). ông Lý T M không phải nộp ngày 09/01/2024 ông đã dự nộp 20.174.000đ tại biên lai số 0007912 được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Xuân Trúc